

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/12/1999, thay đổi lần thứ 5 ngày 12/12/2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm 2008.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở Công ty cổ phần bê tông Biên hòa:

Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam:

Trụ sở: Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chi nhánh: Lầu 2, 126 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP. HCM

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Tạ Quang Thanh

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Số điện thoại: 0613 836195

Fax: 0613 836323

Email: bh@hcm.vnn.vn

Website: www.betongbienhoa.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA

(Giấy chứng nhận ĐKKD 058404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/5/2001, thay đổi lần thứ 5 ngày 12/12/2007)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết : 4.500.000 cổ phiếu (Bốn triệu năm trăm ngàn cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết (mệnh giá) : 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở: 159/14 Đường Bạch Đằng, P2, Q. Tân Bình Tp.HCM.

Điện thoại: (84 – 8) 293 6178 Fax: (84 –8) 848 8550

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5888 Fax: (84-4) 3944 5999

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: 126, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 3930 2320 Fax: (08) 3930 2325

Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	5
1. Rủi ro về kinh tế:	5
2. Rủi ro về luật pháp:	5
3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh:	6
4. Rủi ro khác:	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	6
1. Tổ chức niêm yết:	6
2. Tổ chức tư vấn:	7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT:	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty:	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:	13
4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa	14
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của BICONCO, những công ty mà BICONCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần đối với BICONCO	16
6. Hoạt động kinh doanh	19
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2006-quý III/2008	33
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	35
9. Chính sách đối với người lao động	37
10 Chính sách cổ tức	38
11 Tình hình hoạt động tài chính	38
12 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	43
13 Tài sản	52
14 Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2008 đến năm 2010:	53
15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	56
16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	57
17 Các thông tin tranh chấp kiện tụng	57
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	57
1. Loại chứng khoán	57
2. Mệnh giá	57
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	57

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	57
5. Phương pháp tính giá:.....	58
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	64
7. Các loại thuế có liên quan:	64
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:	65
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	65
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	65
VII. PHỤ LỤC	66

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:

1. Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế tăng trưởng cao là nhân tố quan trọng thúc đẩy tốc độ phát triển của các ngành nghề trong đó có ngành xây dựng ... Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ dẫn đến nhu cầu cao về văn phòng, nhà ở, công trình xây dựng công cộng. Ngược lại, một nền kinh tế đang gặp khủng hoảng hay chậm phát triển sẽ kéo theo sự trì trệ ở nhiều ngành nghề đặc biệt là ngành xây dựng.

Trong giai đoạn 2003-2007, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 là 8,4%, năm 2006 đạt 8,2% và năm 2007 đạt 8,44%.¹

Tuy nhiên trong năm 2008, nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những khó khăn nhất định. Kinh tế thế giới trong năm 2008 đang chứng kiến các dấu hiệu suy thoái của nền kinh tế Mỹ, sự biến động trong hệ thống tài chính toàn cầu, sự bất ổn của giá dầu và dấu hiệu của cuộc khủng hoảng lương thực trên toàn cầu... Đối với Việt Nam, nền kinh tế đã có độ mở nhất định đối với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, những biến động kinh tế mạnh trong hệ thống toàn cầu đã và đang tác động đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự biến động lớn trong giá cả, đặc biệt là giá vật liệu xây dựng cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành, kết quả sản xuất kinh doanh có thể không đạt được như mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Theo Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam, mặc dù tốc độ tăng GDP năm 2008 là 6,23%, thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch điều chỉnh nhưng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, Việt Nam đạt được tốc độ tăng như vậy cũng là một thành tựu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội². Trong năm 2009, dự báo nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên sẽ từng bước phục hồi. Mục tiêu tăng trưởng GDP đề ra cho năm 2009 là 6,5%³.

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong ngắn hạn, tuy nhiên về dài hạn, kinh tế Việt Nam vẫn hứa hẹn có những bước tiến mạnh mẽ.

2. Rủi ro về luật pháp:

Là doanh nghiệp được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của BICONCO chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp. Bên cạnh đó, do đã là công ty đại chúng nên Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán. Các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này còn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

¹ <http://www.vneconomy.com.vn> ngày 30/09/2008

² Theo <http://www.laodong.com.vn> ngày 31/12/2008

³ Nguồn: www.gso.gov.vn

Ngoài ra, công ty là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng nên còn chịu ảnh hưởng chi phối của các quy định pháp luật đặc thù liên quan đến ngành. Đặc biệt sự thay đổi trong các quy định của Chính phủ về giá cả xi măng, sắt, thép,... theo từng thời kỳ sẽ tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty rất chú trọng đến khâu lập dự toán trong sản xuất kinh doanh cũng như đưa ra các chính sách quản lý hàng tồn kho phù hợp với từng thời điểm của BICONCO và của thị trường.

3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh:

Với đặc thù của lĩnh vực xây lắp, các công ty hoạt động trong lĩnh vực này thường gặp rủi ro về thanh toán. Trong hoạt động xây dựng cơ bản, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Bên cạnh đó, việc giải ngân vốn tại Việt Nam hiện nay thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Do vậy, với vai trò nhà sản xuất và cung cấp bê tông thương phẩm, cấu kiện kim loại, cấu kiện bê tông đúc sẵn phục vụ cho những công trình xây dựng thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng công trình như trên là không ngắn, phần nào có những ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động. Vì tính đặc thù của lĩnh vực kinh doanh công ty đang hoạt động, nên công ty luôn cố gắng một mặt sát sao với công việc thu hồi công nợ, một mặt duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của công ty.

Ngoài ra, rủi ro về cạnh tranh đối với các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng thời gian gần đây ngày càng diễn ra gay gắt. Công ty hiện cũng phải chịu sức ép cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bê tông.

4. Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro trên, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro đặc biệt khác xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), hay do tai nạn (cháy, nổ,...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức phát hành, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Song các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

1. Tổ chức niêm yết:

 Ông: Hồ Đình Thuận	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Ông: Phạm Hùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
 Ông: Trần Văn Ngân	Chức vụ: Kế toán trưởng
 Bà: Nguyễn Thị Ngọc Dung	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

 Ông: **Phạm Linh**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần bê tông Biên hòa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần bê tông Biên hòa cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT:

- “*Bản cáo bạch*”: là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- “*Vốn điều lệ*”: là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
- “*Cổ phần*”: là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- “*Cổ phiếu*”: là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- “*Cổ đông*”: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty
- “*Cổ tức*”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- “*Năm tài chính*”: là năm mười hai tháng được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Công ty : Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa
- BICONCO : Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- VND : Việt Nam đồng
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa
- Tổ chức tư vấn : Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1 Giới thiệu về công ty:

- Tên giao dịch tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
- Tên giao dịch tiếng Anh : BIEN HOA CONCRETE JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt : BICONCO
- Tên viết tắt : BICONCO
- Logo công ty : 
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 061 3836195 061 3836196 Fax: 061 3836323
- Email: BICONCO_bh@hcm.vnn.vn
- Website: www.betongbienhoa.com.vn

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa là Nhà máy Trụ điện Biên Hòa, được thành lập năm 1968 với hoạt động chính là sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và cột điện bê tông ly tâm.

Năm 1975, Nhà máy Trụ điện Biên Hòa được Nhà nước giao cho Công ty xây dựng số 8 (nay là Tổng Công ty xây dựng số 1) - Bộ xây dựng tiếp quản và được đổi tên thành Xí nghiệp trụ điện bê tông Biên Hòa. Xí nghiệp, là đơn vị duy nhất tại phía Nam sản xuất trụ điện bê tông ly tâm 7,4m đến 20m cung cấp cho các tỉnh từ Bình Thuận đến tỉnh An Giang.

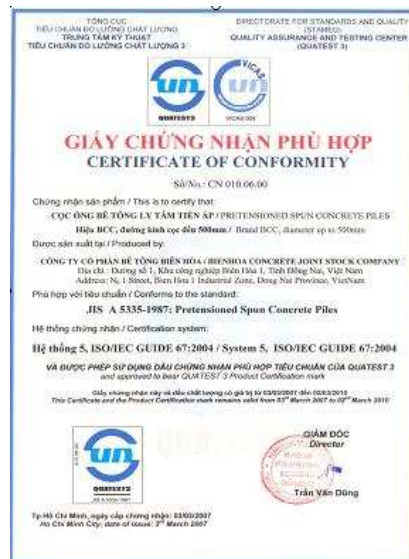
Năm 1993, theo quyết định số 068/BXD của Bộ Xây dựng, Xí nghiệp trụ điện bê tông Biên Hòa được đổi tên thành Công ty Bê tông (thuộc Tổng công ty xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng).

Năm 1998, theo quyết định số 1047/QĐ-TTg ngày 18/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty Bê tông được phép thực hiện cổ phần hóa. Từ ngày 01/01/2000, Công ty Bê tông chính thức đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.



1.3 Những thành tích đạt được:

- Năm 1995: Công ty được Nhà nước trao Huân chương Lao động hạng 3.
- Năm 2003, 2004, 2006: được Bộ xây dựng trao bằng khen.
- Năm 2007: Nhận giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do cục sở hữu trí tuệ cấp
- Năm 2007: Được cấp giấy chứng nhận phù hợp đến năm 2010 do tổng cục đo lường chất lượng – Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.



1.4 Chính sách chất lượng:

Phương châm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là cung cấp cho khách hàng các sản phẩm bê tông đạt chất lượng và dịch vụ tốt nhất. Để thực hiện điều này, Công ty cam kết:

- Sản xuất và cung cấp các sản phẩm bê tông công nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế theo yêu cầu của khách hàng.
- Áp dụng và đầu tư công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Truyền đạt cho cán bộ công nhân viên trong công ty thấu hiểu tầm quan trọng của việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.
- Xây dựng mối quan hệ với các bên cung ứng vật tư, nguyên liệu, tạo điều kiện cho bên cung ứng đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như sự ổn định trong quá trình cung ứng vật tư, nguyên liệu cho công ty.
- Thực hiện duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và luôn cải tiến để ngày càng hiệu quả hơn.

Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, đồng thời không ngừng cải tiến để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống nhằm thỏa mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.



1.5 Thông tin về các đợt tăng vốn của Công ty

Sau hơn 8 năm hoạt động và phát triển, BICONCO đã đạt được sự tăng trưởng vượt bậc về quy mô hoạt động. Hiện nay, vốn điều lệ của BICONCO đã tăng gấp 3 lần so với vốn điều lệ ban đầu.

Các mốc tăng vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ thực góp	Hình thức tăng vốn điều lệ
01/01/2000	15 tỷ đồng	Thành lập công ty
25/03/2007	20,996 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
25/04/2007	22,496 tỷ đồng	Tăng vốn từ “Quỹ đầu tư phát triển” thông qua chia cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (*)
31/12/2007	45 tỷ đồng	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược (Tổng công ty xây dựng số 1)

Ghi chú: (*) Nguồn để tăng vốn là thuế thu nhập được miễn giảm đến thời điểm 31/12/2006. Mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thì được hưởng 01 cổ phiếu mới.

2. Cơ cấu tổ chức công ty:

BICONCO có trụ sở chính đặt tại Biên Hòa, Đồng Nai và có 02 chi nhánh (Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Nhà máy Bê tông Biên Hòa – BICONCO).

❖ Chi nhánh văn phòng tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 63 – 65 Điện Biên Phủ (Cao ốc Sài Gòn RES), P.15, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM.
- Điện thoại: 08 35140635 – 08 35140632 ; Fax: 08 35140636

❖ **Nhà máy Bê Tông Tân Hòa tại Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu**

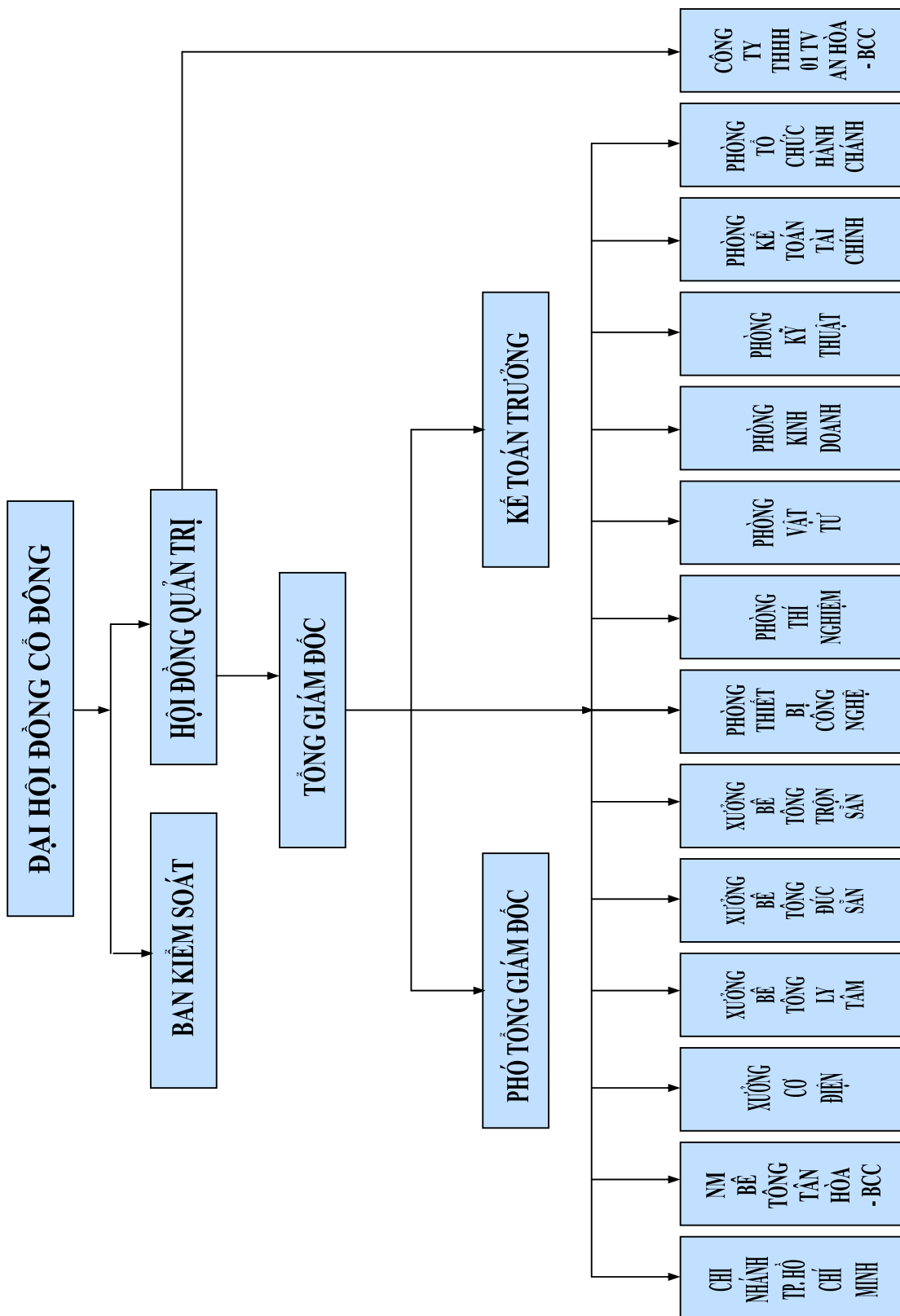
Nhà máy Bê Tông Tân Hòa tại Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu nằm tại khu vực có giá trị đầu tư nước ngoài lớn, vốn FDI năm 2008 khoảng 10 tỷ USD, phát triển công nghiệp và cảng nội địa lớn nhất nước.

Nhà máy được đầu tư từ năm 2001, giá trị thương hiệu và năng lực sản xuất của nhà máy đáp ứng được sự tin cậy của các chủ đầu tư dự án lớn như Công trình Nhiệt điện Phú Mỹ, Cảng cái Mép, Khu công nghiệp Đông Xuyên Vũng tàu, Khu công nghiệp dầu khí Long Sơn...

- Địa chỉ: Ấp 6, Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại: 0643 894 625 – 0643 894 627; Fax: 0643 894 626



Sơ đồ tổ chức:



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1 Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty)

3.2 Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo điều lệ Công ty quy định).
- Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm (2005-2009).

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 5 (năm) năm (2005 – 2009).

3.4 Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

Phó Tổng Giám đốc: do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm; có trách nhiệm điều hành các công việc liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc và tình hình hoạt động của Công ty với Hội đồng quản trị khi có yêu cầu.

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hoạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty. Kế toán trưởng thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty.

3.5 Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

Công ty có 07 phòng chuyên môn nghiệp vụ:

- Phòng Tổ chức – Hành chính: tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác tổ chức lao động và công tác hành chính
- Phòng Kế toán Tài chính: tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về việc huy động, sử dụng, bảo toàn và phát triển nguồn vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư; đề xuất các phương án, giải pháp quản lý, kiểm soát, bảo vệ tài sản theo Luật Kế toán và Điều lệ công ty.

- Phòng Kinh doanh: tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đánh giá, phân tích, dự báo thị trường cho từng loại sản phẩm; xây dựng chính sách kinh doanh, đề xuất phương án giá bán sản phẩm, chiết khấu hoa hồng, dịch vụ chăm sóc khách hàng và đề xuất các phương án xử lý, phản hồi ý kiến, khiếu nại của khách hàng.
- Phòng Kỹ thuật: tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về các chính sách, các phương án và đề xuất biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình công nghệ, cải thiện môi trường sản xuất, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, quản lý dự án đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty.
- Phòng Thiết bị công nghệ: tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý máy móc thiết bị sản xuất, công tác chuyển giao công nghệ của các dự án. Đề xuất và chủ trì công tác thiết kế, lập dự toán chế tạo, lắp đặt thiết bị công nghệ. Phối hợp xây dựng tiêu chuẩn bậc thợ công nhân cơ khí, vận hành máy móc thiết bị.
- Phòng Thí nghiệm: tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về các chính sách, các phương án và đề xuất biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng vật liệu hiệu quả và định hướng phát triển công tác thí nghiệm ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Phòng Vật tư: tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong việc lựa chọn, đánh giá nhà cung ứng vật tư, vật liệu, công cụ, dụng cụ sản xuất, phụ tùng thiết bị, phụ gia. Đề xuất các biện pháp, giải pháp quản lý vật tư, nghiệm thu vật liệu đầu vào và đề xuất phương án tận dụng, thanh lý vật tư, máy móc thiết bị dư thừa, hư hỏng, không còn sử dụng.

3.6 Các xưởng sản xuất

- Xưởng Bê tông trộn sẵn: Chuyên sản xuất các loại bê tông thương phẩm (trộn sẵn)
- Xưởng Bê tông đúc sẵn: Chuyên sản xuất các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Xưởng Bê tông ly tâm: Chuyên sản xuất các loại sản phẩm bê tông ly tâm.
- Xưởng Cơ điện: Chuyên sản xuất sản phẩm kết cấu thép và gia công cơ khí.

4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại ngày 11/11/2008

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Xây dựng số 1	51, Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. Hồ Chí Minh	1.718.182	38,18 %
2	Nguyễn Thị Xuân Lan	250 Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4, Tp.HCM	313.806	6,97 %
	Tổng Cộng		2.031.988	45,15 %

Nguồn: BICONCO

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được cấp đổi lần thứ 5 ngày 12/12/2007, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần sở hữu tại thời điểm cấp đổi như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/Số Giấy chứng nhận ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Tổng công ty xây dựng số 1 Đại diện: Ông Hồ Đình Thuần	51, Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. Hồ Chí Minh	4106000326	1.718.182 (cổ phần phổ thông)	38,18
2	Ông. Hồ Đình Thuần	289/B11, Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	024167679	83.590 (cổ phần phổ thông)	1,86
3	Ông Trần Văn Ngân	392/8/87, Cao Thắng, P.12, Q.10, Tp.HCM	020043678	63.840 (cổ phần phổ thông)	1,42
4	Phạm Hùng	F28, cư xá Bê tông, KP10, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	272079662	52.675 (cổ phần phổ thông)	1,17
5	Phan Văn Hải	15M, cư xá Bê tông, KP10, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	271442363	14.550 (cổ phần phổ thông)	0,32
6	Nguyễn Thanh Hoàng	378/8, Xô Viết, Nghệ Tĩnh, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	021787750	5.512 (cổ phần phổ thông)	0,12
	Tổng cộng			1.938.349	43,07%

4.3 Cơ cấu cổ đông tính tại ngày 11/11/2008

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông là cá nhân	2.779.718	61,76
1.1	CBCNV (bao gồm HĐQT, BKS, BGĐ, KTT)	436.382	9,69
1.2	Cổ đông cá nhân ngoài công ty (trong nước)	2.343.336	52,07
1.3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	0	0
2	Cổ đông là tổ chức	1.720.282	38,24
2.1	Tổ chức trong nước	1.720.282	38,24
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	4.500.000	100%

*Nguồn: BICONCO***5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của BICONCO, những công ty mà BICONCO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần đối với BICONCO****5.1 Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với BICONCO**

- Không có

5.2. Danh sách công ty con, những công ty do BICONCO nắm quyền kiểm soát, chi phối

Công ty TNHH 01 thành viên An Hòa – BICONCO



Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH 01 thành viên An Hoà – BCC

Địa chỉ trụ sở : KCN Nhựt Chánh, ấp 5, xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Giấy đăng ký kinh doanh số : 5004000137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 04/12/2007.

Vốn điều lệ : 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)

Chủ sở hữu : Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hoà sở hữu 100%

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn, cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng, phụ gia cho bê tông
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng
- Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng



Công ty TNHH 01 thành viên An Hòa được thành lập với chức năng quản lý, vận hành, khai thác Nhà máy Bê tông An Hòa – BICONCO tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Với vị thế thuận lợi nằm ngay cửa ngõ phía Tây cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km, đây là nơi có tốc độ phát triển đô thị và phát triển khu công nghiệp có quy mô và tốc độ nhanh so với khu vực khác. Nhà máy được đầu tư mới 100% với các trang thiết bị hiện đại nhập ngoài từ các nước có công nghệ sản xuất bê tông hiện đại trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, ... cùng với các công trình xây dựng được chào thầu cạnh tranh như phần xây móng và trạm trộn ORu, xây dựng nhà máy sản xuất chính, ... nhằm đảm bảo chất lượng công trình cho Nhà máy.

Nhà máy có công suất thiết kế 120m³/h với khả năng cung cấp 1.000m³/ngày/50km hay 800m³/ngày/100km với sản phẩm là bê tông đúc sẵn, bê tông trộn, cọc ống bê tông li tâm và đặc biệt là sản phẩm vữa xây dựng trộn sẵn, đây là sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao do hiện tại trên thị trường chỉ có duy nhất một nhà cung cấp.

Với dòng sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, đầu ra của Nhà máy Bê tông An Hoà được đảm bảo. Nguồn khách hàng của Nhà máy sẽ phát triển theo hai hướng, một là khách hàng từ Công ty Cổ phần Bê tông Biên hoà chuyển sang – do hiện tại lượng cung sản phẩm của Công ty chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, hai là khách hàng do chính Công ty TNHH một thành viên An Hoà phát triển. Nguồn khách hàng ổn định, uy tín về chất lượng sản phẩm chính là cam kết chắc chắn cho sự thành công của Nhà máy Bê tông An Hoà.

Vốn vay cho dự án xây dựng nhà máy là 52 tỷ đồng vay từ ngân hàng VID PUBLIC BANK – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng vay số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008. Khoản vay này được bảo lãnh của công ty mẹ và được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BDG/LC/FL/2008/157, với tổng giá trị tài sản đảm bảo 79,59 tỷ đồng. Lãi suất được xác định bằng lãi suất liên ngân hàng (hoặc lãi suất tiền gửi) kỳ hạn 6 tháng cộng 2,5% mỗi năm.

Lãi vay trên số dư nợ vay FL sẽ được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Và Công ty con An Hòa bắt đầu trả lãi từ ngày 25/06/2008. Việc trả nợ gốc được ân hạn sau 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực, nên công ty sẽ trả nợ gốc mỗi tháng là 723 triệu đồng bắt đầu từ tháng 05 năm 2009.

Nguồn để Công ty TNHH 01 TV An Hòa - BCC trả nợ gốc và lãi vay trên là từ nguồn khấu hao cơ bản, lợi nhuận trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp. Căn cứ theo Dự án đầu tư Nhà máy bê tông An Hòa, khấu hao hàng năm dùng để trả nợ gốc vay là 8,9 tỷ đồng và lợi nhuận dùng để trả chi phí lãi vay lần lượt qua các năm 2009 và 2010 là 6,9 tỷ đồng và 5,9 tỷ đồng.

Với kế hoạch hoàn trả nợ vay như trên, Ngân hàng VID PUBLIC BANK đã đánh giá được tiềm năng phát triển dài hạn và hoàn toàn tin vào khả năng trả nợ của Công ty TNHH 01 TV An Hòa –BCC nên Ngân hàng VID PUBLIC BANK đã đồng ý và ký Hợp đồng tín dụng BDG/LC/FL/2008/157 ngày 05/05/2008 với hạn mức 52 tỷ đồng.

Theo Dự án đầu tư nhà máy bê tông An Hòa, thời gian hoàn vốn là 06 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt qua các năm là:

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Doanh thu (tr. đ)	112.200	130.900	149.600
2	Lợi nhuận trước thuế (tr. đ)	261	3.950	6.831

Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động chính thức từ tháng 3/2009, tuy nhiên trong năm đầu tiên Nhà máy trong quá trình vận hành thử nghiệm nên lợi nhuận chưa cao. Trong những năm tiếp theo khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định, công suất bằng với công suất thiết kế, lợi nhuận của Công ty TNHH một thành viên An Hoà sẽ tăng cao.

6. Hoạt động kinh doanh

Ngành nghề hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất bê tông thương phẩm, cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn; sản xuất và kinh doanh phụ gia cho bê tông.
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng.
- Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở; kinh doanh nhà.

6.1 Sản lượng tiêu thụ từng loại sản phẩm

- Sản lượng tiêu thụ của Công ty từ năm 2006 - 2008:

Đơn vị tính: m³

Loại	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Bê tông tươi	103.412	79.026	57.321
Bê tông ly tâm	8.665	9.861	12.075
Bê tông đúc sẵn	4.898	15.234	11.284
Tổng	116.975	104.121	80.680

Nguồn: BICONCO

- Doanh thu thuần của Công ty từ năm 2006 - 2008:

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Bê tông tươi	55.991.977.126	44.625.631.023	43.330.041.492
Bê tông ly tâm	25.134.862.900	28.787.658.045	51.252.036.781
Bê tông đúc sẵn	13.161.996.022	44.346.799.892	47.928.182.874
Các loại khác	96.489.293	198.283.414	3.983.908.840
Tổng	94.385.325.341	119.742.922.374	146.494.169.987

Nguồn: BICONCO

- Tỷ trọng giá trị tiêu thụ từng loại sản phẩm, dịch vụ trên tổng doanh thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bê tông								
Tươi	46.072	55,97%	55.992	59,32%	44.626	37,27%	43.330	29,57%
Bê tông ly tâm	21.440	26,04%	25.135	26,63%	28.788	24,04%	51.252	34,99%
Bê tông đúc sẵn	14.284	17,35%	13.162	13,95%	44.347	37,03%	47.928	32,72%
Doanh thu khác	529	0,64%	96	0,10%	1.982	1,66%	3.984	2,72%
Tổng	82.325	100%	94.385	100%	119.743	100%	146.494	100%

Nguồn: BICONCO

6.2 Nguyên vật liệu

Các nguồn nguyên vật liệu chính và nhà cung cấp chủ yếu của BINCONCO bao gồm:

TT	Tên	Nhà cung cấp uy tín
I	Nguyên vật liệu chính	
1	Cát xây dựng	Cát Sông Đồng Nai (Trị An, Tân Ba), Nhập Campuchia
2	Đá dăm	Mỏ đá Hóa An, Mỏ đá Thiện Tân
3	Xi măng	Holcim, Nghi Sơn, Hà Tiên
4	Phụ gia	Phụ gia Sika, Degussa
5	Cốt thép	Vinakyoei, Pomina, Vinasteel, Thép Miền Nam
6	Thép kết cấu	Nhập khẩu Nga, Hàn Quốc, Malaysia
7	Thép dự ứng lực	Nhập khẩu Malaysia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan
II	Thiết bị hỗ trợ (liên kết)	
1	Dàn ép cọc 700T	Hiệu Robot, Trung Quốc, Sức ép 700 tấn
2	Dàn ép cọc 450T	VN sản xuất, sức ép 450 tấn
3	Bơm cần	Đức, Hàn Quốc, L=36m, H=28m
4	Bơm ngang	Đức, Hàn Quốc, L=150m

Nguồn: BICONCO

Các loại nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất, phụ tùng thay thế của Công ty luôn được dự trữ đầy đủ. Các thiết bị luôn ở trong trạng thái sản xuất ổn định. Hệ thống điện dự phòng đảm bảo sản xuất khi trường hợp mất điện lưới.

Chi tiết một số nguyên vật liệu của Công ty:

- Xi măng:
 - + Chung loại: PCB40

- + Nguồn cung cấp chủ yếu: xi măng Nghi Sơn, Holcim.
- + Lượng xi măng chứa trong kho (Silo) của Công ty hàng ngày khoảng 450 tấn và có khả năng vừa sản xuất vừa tiếp nhận 200 tấn. Như vậy tổng khối lượng xi măng hàng ngày là khoảng 600 tấn, đủ để sản xuất cung cấp khoảng 1.800 – 2.000 m³ bê tông/ngày.
- Đá dăm (1x2):
 - + Nguồn cung cấp: đá Thiện Tân, đá Hóa An.
 - + Chủng loại: đá dăm 1x2
 - + Lượng đá dăm chứa trong kho hàng ngày là 1.800 m³ khả năng vừa sản xuất vừa tiếp nhận 300 m³ đủ để sản xuất và cung cấp 1.800-2.000 m³ bê tông/ngày.
- Cát:
 - + Chủng loại: Hạt thô có modum độ lớn Mk: 2,5-2,8
 - + Nguồn cung cấp: Trĩ An, Tân Ba, Campuchia. .. (cát sàng, cát suối)
 - + Lượng chứa trong kho hàng ngày là 1.400 m³ khả năng vừa sản xuất vừa tiếp nhận 200m³ đủ để sản xuất và cung cấp 1.800-2.000 m³ bê tông/ngày
- Sắt thép các loại:
 - + Sắt thép thường: Lượng tồn kho bình quân hàng ngày 150-200 tấn, khi có nhu cầu sau 01 đến 03 ngày đặt hàng, lượng thép sẽ được cấp đầy đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.
 - + Sắt thép ứng lực trước: Lượng tồn kho bình quân là 100 tấn, đủ sản xuất trong 10 đến 15 ngày, khi có nhu cầu lớn sẽ tiến hành đặt hàng trực tiếp với các nhà cung cấp và chậm nhất là 07 ngày sẽ được cung cấp đầy đủ đáp ứng sản xuất.
- Cốt thép các loại:
 - + Cốt thép thường: nguồn cung cấp là Thép Vinakyoei, Pomina, Vinasteel, Thép Miền Nam.
 - + Cốt thép dự ứng lực: nguồn cung cấp là từ Malaysia, Korea, Trung Quốc, Thái Lan.
- Phụ gia: Sika, Basf.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hoạt động kinh doanh của công ty.

Các loại nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất, phụ tùng thay thế của Công ty luôn được dự trữ đầy đủ. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu của công ty qua các năm khá ổn định về khối lượng, giá cả và chất lượng vì Công ty là khách hàng lâu năm và thường xuyên của các nhà cung cấp. Điều này giúp cho việc ổn định tình hình nguyên vật liệu đầu vào và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Các khoản chi phí tổng hợp

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	81.488	88,56%	99.623	87,77%	119.334	85,42%
Chi phí bán hàng	3.122	3,39%	5.508	4,85%	7.056	5,05%
Chi phí quản lý DN	5.788	6,29%	7.051	6,21%	10.584	7,58%
Chi phí tài chính	1.397	1,52%	1.286	1,13%	2.559	1,83%
Chi phí khác	223	0,24%	41	0,04%	164	0,12%
Tổng	92.018	100%	113.509	100%	139.697	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007 và năm 2008 của BICONCO

Trong giai đoạn 2006 – 2008, tỷ trọng các khoản chi phí sản xuất trong tổng chi phí của công ty không có sự biến động lớn. Đây là kết quả từ sự cố gắng, nỗ lực của BICONCO trong việc kiểm soát chi phí.

Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán trên tổng chi phí có xu hướng giảm dần qua các năm do công tác quản lý và dự trữ hàng tồn kho và nguyên vật liệu của công ty khá tốt.

Giá vốn hàng bán (từ năm 2006 - 2008)

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Bê tông tươi	49.189.034.358	40.412.443.988	38.677.219.450
Bê tông ly tâm	20.923.000.075	23.465.020.670	37.059.801.580
Bê tông đúc sẵn	10.983.931.900	34.692.337.764	38.905.361.827
Các loại khác	391.789.679	1053094018	4.691.120.016
Tổng	81.487.756.012	99.622.896.440	119.333.502.873

Nguồn: BICONCO

Tỷ trọng chi phí bán hàng trên tổng chi phí của công ty tăng nhẹ nhưng không đáng kể và điều này cũng phù hợp với những chính sách bán hàng của công ty nhằm giữ được những khách hàng thân thuộc và khai thác khách hàng tiềm năng.

6.4 Trình độ công nghệ

- Tình trạng máy móc, thông số kỹ thuật chủ yếu trang thiết bị chính:

TT	Tên	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công suất
I	Thiết bị sản xuất Bê tông trộn sẵn				
1	Trạm trộn bê tông	4	Thái Lan, Việt Nam, Italy	1994- 2008	120m ³ /h, 100m ³ /h, 50m ³ /h
2	Xe xúc	4	Nhật	1993	1,5m ³ 2,3m ³
3	Xe chuyển trộn	40	Hàn Quốc, Nhật, Nga, Trung Quốc	1994- 2008	6m ³ /xe, 8m ³ /xe
4	Bơm cần	4	Hàn Quốc, Italia	1995-2008	70m ³ /h, 65m ³ /h
5	Bơm ngang	2	Nhật , Hàn Quốc	1995	65m ³ /h
6	Thiết bị đồng bộ khác	bộ	Nhật, Hàn Quốc	1995-2000	
II	Thiết bị sản xuất bê tông đúc sẵn				
1	Cổng trục 15T	8	VN	2001-2008	2 palăng, 7,5T & 10T
2	Cầu trục	9	VN	2000-2008	2 palăng, 5T & 5T
3	Xe cầu	2	Nga	1995	25T
4	Máy đầm	60	Nhật	2005-2008	
5	Máy hàn điện	50	Nhật, VN	2005-2008	220V, 380A
6	Xe vận chuyển	3	Nga, Hàn Quốc	1994	12T, 15T
7	Ván khuôn định hình	1500	VN		
III	Thiết bị sản xuất bê tông ly tâm				
1	Trạm trộn	2	VN	2000-2008	50m ³ /h và 60m ³ /h
2	Máy cắt thép	3	Korea	2000-2008	
3	Máy chôn đầu	6	Korea	2000-2008	
4	Máy tạo lồng	3	Korea	2000-2008	
5	Giàn quay ly tâm	8	VN	2000-2008	
6	Kích kéo căng	3	Korea	2000-2008	250T
7	Bể dưỡng hơi nước	2	VN	2000-2008	300m ³ và 360m ³
8	Kích kéo căng	2	VN	2000-2008	50T + 150T
9	khuôn cọc tròn	180	VN	2000-2008	

TT	Tên	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Công suất
10	khuôn trụ điện	80	VN	2000-2008	
IV	Các thiết bị sản xuất khác	Đồng bộ	Hàn Quốc, Nhật, VN	2000-2005	

Nguồn: BICONCO

- Năng lực thiết bị và năng lực sản xuất sản phẩm
 - + Về năng lực sản xuất bê tông trộn sẵn: Công ty hiện đang sở hữu một số lượng thiết bị tương đối lớn đồng bộ nhưng đã được khấu hao gần hết. Với hơn 40 xe chuyển trộn (6-8m³/xe), 06 xe bơm có công suất 65-70 m³/h, 06 trạm trộn có công suất 50-120 m³/h và các loại thiết bị máy móc đồng bộ khác có khả năng cung cấp cho thị trường trên 2.000m³/ngày.
 - + Về năng lực sản xuất bê tông đúc sẵn: Công ty đang sở hữu hơn 30.000 m² bãi đúc sản phẩm với 08 bộ cổng trục từ 10-20 tấn, 02 xe cầu bánh lốp từ 15-25 tấn, 03 xe vận chuyển 12-15 tấn và các loại thiết bị đồng bộ khác đủ khả năng cấp cho thị trường 200 m³ bê tông/ngày.
 - + Về năng lực sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm: Công ty đang sở hữu 02 nhà máy được trang bị thiết bị hiện đại đồng bộ có khả năng cung cấp cho thị trường tất cả các loại cọc ống (Ø 300 - Ø 700) 2.000 mét cọc ống/ngày và 150 sản phẩm cột điện/ngày.
- Ngoài ra, Công ty còn đầu tư thêm một số thiết bị chuyên dùng khác để hỗ trợ cho năng lực sản xuất và thi công của Công ty.
- Cụ thể về năng lực thiết bị và năng lực sản xuất sản phẩm tại các nhà máy và cơ sở sản xuất của Công ty:

+ **Bê tông trộn sẵn:**

Nhà máy Bê tông Biên Hòa

- Vị trí: Khu Công Nghiệp Biên Hòa
- Công suất thiết kế: 100m³/h
- Công suất mẻ trộn: 2,5m³/mẻ
- Bán kính phục vụ: 50-100km
- Xe chuyển trộn: 15 xe x 6-8m³/xe
- Bơm cần: 02 cái x 70m³/h/cái
- Bơm ngang: 01 cái x 65m³/h/cái
- Khả năng cung cấp: 1000m³/ngày/50km hay 800m³/ngày/100km



Nhà máy Bê tông An Hòa – BICONCO

- Vị trí: Khu Công Nghiệp Nhứt Chánh
- Công suất thiết kế: 120m³/h
- Công suất mẻ trộn: 3,5m³/mẻ
- Bán kính phục vụ: 50-100km
- Xe chuyển trộn: 20 xe x 6-8m³/xe
- Bơm cần: 01 cái x 70m³/h/cái
- Bơm ngang: 01 cái x 65m³/h/cái
- Khả năng cung cấp: 1.000m³/ngày/50km hay 800m³/ngày/100km

Nhà máy bê tông Tân Hòa – BICONCO

- Vị trí: Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu
- Công suất thiết kế: 2 trạm x 50m³/cái
- Bán kính phục vụ: 50-100 km
- Xe chuyển trộn: 10 xe x 6-8m³/xe
- Bơm cần: 01 cái x 70m³/h/cái
- Khả năng cung cấp: 800 m³/ngày/50km hay 600m³/ngày/100km

+ Bê tông đúc sẵn

Cọc cừ vuông: 25x25, 30x30, 35x35, 40x40, 45x45, 50x50 cm

Cấu kiện đúc sẵn: Dầm, Sàn, Đan, Panel, . . .



Cơ sở 1: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

- Diện tích sản xuất: 15.500m²
- Cổng trục: 02 cái x 10T x 18m
- Cổng trục: 01 cái x 15T x 18m
- Xe cầu: 01 cái x 20T
- Ván khuôn thép: 120 bộ (B=25-50cm)
- Khả năng cung cấp cọc: 120 m³/ngày tương đương 1.000m cọc /ngày.

Cơ sở 2: Khu Công Nghiệp Nhứt Chánh – Long An

- Diện tích sản xuất: 18.500 m²
- Cổng trục các loại từ 10T – 20T: 04 cái x (10T x 18 m)
- Ván khuôn thép các loại: 160 bộ (B=25-50cm)
- Khả năng cung cấp cọc 160 m³/ngày tương đương 1.450m cọc/ngày.

+ Bê tông dự ứng lực

Cọc cừ: 25x25, 30x30, 35x35, 40x40, 45x45, 50x50 cm

Cấu kiện đúc sẵn: Dầm, Sàn, Đan, Panel, . . .



Nhà máy 1: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

- Diện tích sản xuất: 11.000m²
- Cổng trục: 02 cái x 10T x 18m
- Cổng trục: 01 cái x 15T x 18m
- Xe cầu: 01 cái x 20T
- Ván khuôn thép: 120 bộ (B=25-50cm)
- Kịch kéo căng 150T: 01 cái
- Khả năng cung cấp cọc 60 m³/ngày tương đương 450m cọc/ngày

Nhà máy 2: Khu Công Nghiệp Nhựt Chánh – Long An

- Diện tích sản xuất: 12.500m²
- Cổng trục: 02 cái x (10T x 18m)
- Cổng trục: 01 cái x (15T x 18m)
- Xe cầu: 01 cái x 15T
- Ván khuôn thép: 100 bộ (B=25-50cm)
- Kịch kéo căng 150T: 01 cái
- Khả năng cung cấp cọc 60 m³/ngày tương đương 450m cọc/ngày

+ Bê tông ly tâm dự ứng lực-Trụ điện

Trụ điện ly tâm: 6,5m; 7,5m; 8,5m; 10,5m; 12m, 14m & 20m; F200-1400 kg & nèo, đà cản v.v.

Nhà máy 1: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

- Diện tích xưởng: 3.500 m²
- Diện tích bãi chứa: 15.000m²
- Cầu trục: 04 cái x 20T x 18 m
- Máy chôn đầu: 02 cái
- Máy tạo lồng: 02 cái
- Khuôn thép: 80 cái
- Giàn quay ly tâm: 04 giàn
- Bể dưỡng hộ hơi nước: 300 m³
- Kích thủy lực 150T: 01 cái
- Trạm trộn bê tông: 01 cái x 50m³/h
- Khả năng cung cấp 150 trụ/ngày hay 3.600 trụ/tháng & phụ kiện.

+ Bê tông ly tâm dự ứng lực -Cọc Ống

Cọc tròn dự ứng lực: Ø300, Ø 350, Ø 400, Ø 450, Ø 500, Ø 600, Ø 700 mm, Lmax 18m

Nhà máy 1: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

- Diện tích xưởng: 3.500m²
- Diện tích bãi chứa: 15.000 m²
- Cầu trục: 04 cái x (10T x 18 m)
- Máy chôn đầu: 02 cái
- Máy tạo lồng: 01 cái
- Khuôn thép: 80 cái
- Giàn quay ly tâm: 04 giàn
- Bể dưỡng hộ hơi nước: 300 m³
- Kịch kép căng 250T: 02 cái
- Trạm trộn bê tông: 01 cái x 50m³/h
- Khả năng cung cấp: 900m/ngày cọc Ø300, Ø 350, Ø 400, Ø 450, Ø 500, Ø 600 mm.

Nhà máy 2: Khu Công Nghiệp Nhựt Chánh – Long An

- Diện tích xưởng: 3.600m²
- Diện tích bãi chứa: 10.000 m²
- Cầu trục: 05 cái x (10T-25T x 21m)
- Máy chôn đầu: 02 cái
- Máy tạo lồng: 01 cái
- Khuôn thép: 100 cái
- Giàn quay ly tâm: 04 giàn

- Bể dưỡng hộ hơi nước: 360 m³
- Kịch kép căng 250T: 02 cái
- Trạm trộn bê tông: 01 cái x 65m³/h
- Khả năng cung cấp 1.000m/ngày cọc Ø300, Ø 350, Ø 400, Ø 450, Ø 500 mm., Ø 600, Ø 700 mm.



+ Gia công lắp đặt cốt thép



+ Thi công xây dựng



6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

BICONCO rất chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Công ty luôn nỗ lực để đưa ra các giải pháp trong nghiên cứu thiết kế sản phẩm, cải tiến quy trình công nghệ nhằm thỏa mãn tốt nhất các nhu cầu của khách hàng. BICONCO vừa tăng cường đa dạng hóa sản phẩm vừa quan tâm đầu tư chiều sâu cho từng loại sản phẩm.

Đặc biệt Công ty sắp đưa ra thị trường sản phẩm vữa xây dựng trộn sẵn đây là mặt hàng có khả năng mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty trong những năm tới vì thị trường hiện nay chỉ có một đơn vị cung cấp sản phẩm này.

Công ty hiện cũng đang đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển cọc ống bê tông ly tâm để phục vụ thị trường ngày càng tăng và tiếp tục nghiên cứu thí nghiệm hoàn thiện cấp phối vữa xây, tô, vữa chuyên dụng trộn sẵn.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty là Phòng Kỹ thuật. Phòng Kỹ thuật thực hiện quản lý công tác kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm tại các xưởng sản xuất, cải thiện môi trường sản xuất, quản lý dự án đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của công ty.

Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Do đó, tất cả các khâu từ khi mua nguyên liệu – sản xuất, vận chuyển đến khi sản phẩm được sử dụng vào công trình luôn được kiểm soát chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO. Nhờ vậy, BICONCO đảm bảo duy trì sản phẩm đạt chất lượng cao, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ sản phẩm hư hỏng, từ đó vừa nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa giữ uy tín và thương hiệu của công ty trên thị trường.

Phương châm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là: ***“Chất lượng vượt thời gian, vì lợi ích của khách hàng và sự bền vững của các công trình”***; ***“Bê Tông Biên Hòa, điểm dừng của sự lựa chọn”***.

Với truyền thống, uy tín, năng lực thiết bị hiện đại và kinh nghiệm của đội ngũ kỹ sư, thợ bậc cao, quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, BICONCO ty luôn sẵn sàng cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng, giá cả cạnh tranh và đạt mức độ tin cậy cao nhất.

6.7 Hoạt động Marketing

Nhằm quảng bá sản phẩm rộng rãi và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, BICONCO rất chú trọng đẩy mạnh hoạt động marketing thông qua việc:

- Nâng cao năng lực và uy tín, bằng cách tham gia sản phẩm vào các dự án có quy mô lớn.

- Tiếp tục quan hệ chặt chẽ với các nhà thầu xây dựng có uy tín, thương hiệu mạnh trên thị trường; mở rộng quan hệ với một số các đối tác nhà thầu xây dựng quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam; tăng cường, mở rộng quan hệ với các đơn vị tư vấn thiết kế.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các Công ty Điện lực của các tỉnh để phát triển sản phẩm cột điện bê tông ly tâm; thiết kế hệ thống đại lý ở các tỉnh, tiết kiệm chi phí tạo thuận lợi cung cấp sản phẩm cho khách hàng.

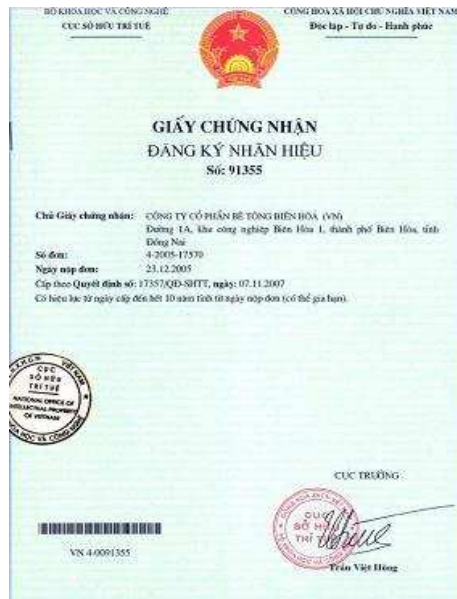
6.8 Nhãn hiệu thương mại

- ❖ Logo của công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa



- ❖ Nhãn hiệu thương mại

Công ty được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học và công nghệ Việt Nam cấp Giấy Đăng ký chứng nhận nhãn hiệu thương mại số 91355 ngày 07/11/2007.



6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng điển hình và đang thực hiện:

STT	Số hợp đồng	Đối tác	Loại sản phẩm	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện
1	008/SGPearl 2008/HĐMB	Cty CP Sông Đà 207	Cọc Bê Tông cốt thép, công trình TTNC CNTT viễn thông FPT	4.052.538.000	23/03/2008- Giao đủ 426 tìm cọc theo HĐ
2	011/BCC-ĐS-2008	Cty TNHH G-TECH VN	Cọc cừ BTCT, công trình Hyosung VN, KCN Nhơn Trạch 5	3.251.430.000	18/04/2008- 13/05/2008
3	015/BCC-HĐCC	Cty CP Descon	Cọc cừ BTCT, cao ốc văn phòng REE	1.862.133.000	09/07/2008- 09/09/2008
4	20/BCC-ĐS-2008	Cty TNHH Nhật Nam	Cọc cừ BTCT, công trình PVD tech , KCN Đông Xuyên	1.025.892.000	27/08/2008
5	23/BCC-HĐCC	Cty CP Descon	Cọc cừ BTCT, công trình NM Giấy Lact, KCN Vship II	3.780.630.000	20/09/2008- 30/10/2008

Nguồn: BINCONCO

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2006-quý III/2008**7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh**

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	% tăng giảm (2007/2006)	Năm 2008	% tăng giảm (2008/2007)
Tổng giá trị tài sản	56.850	92.686	63,04%	151.676	63,65%
Doanh thu thuần	94.385	119.743	26,87%	146.494	22,34%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.602	6.302	142,20%	7.100	12,66%
Lợi nhuận khác	627	505	-19,46%	667	32,08%
Lợi nhuận trước thuế	3.229	6.807	110,81%	7.767	14,10%
Lợi nhuận sau thuế	2.906	6.126	110,81%	7.054	15,21%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.938	2.813	45,15%	1.568	-44,26%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007 và năm 2008 của BICONCO

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

7.2.1 Thuận lợi

- Sự phát triển chung của nền kinh tế:

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Việt Nam hiện đang được xếp vào hàng các nước trong khu vực Đông Á với tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. Kinh tế Việt Nam năm từ năm 2005 đến năm 2007 đều tăng trưởng ở mức trên 8% (năm 2005: tăng 8,4%, năm 2006 tăng 8,2%, năm 2007 đạt 8,44%). Mức tăng trưởng năm 2007 là mức cao nhất so với cùng kỳ trong 5 năm gần đây⁴. Kết quả này khẳng định sự phát triển tích cực của nền kinh tế giai đoạn vừa qua.

- Sự phát triển của ngành:

Là nước đang phát triển, nhu cầu về xây dựng của Việt Nam hàng năm là rất lớn. Trong những năm qua, ngành xây dựng luôn có tỷ lệ tăng trưởng cao, đóng góp vào GDP tăng cả về số tuyệt đối và tương đối, giá trị sản xuất của ngành này tăng liên tục với tốc độ tăng trưởng bình quân 18% trong giai đoạn 2000 – 2007. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này vì vậy cũng có rất nhiều cơ hội để không ngừng phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Các nhân tố nội lực trong Công ty:

- + Kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành: BICONCO là đơn vị có kinh nghiệm trong lĩnh vực Bê tông trộn sẵn, trụ bê tông đúc sẵn và trụ điện. Công ty có trên 40 năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh với hệ thống máy móc thiết bị và phương tiện vận tải luôn đáp ứng và thỏa mãn yêu cầu của khách hàng với chất lượng phục vụ đã đề ra.
- + Xây dựng được chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả, có chiều sâu: Với tầm nhìn tốt, BICONCO đã xây dựng được cho mình những hướng đi phù hợp, tạo đà phát triển tương đối đồng bộ, toàn diện cũng như nâng cao uy tín, thương hiệu của BICONCO trên thị trường. Từ đó, tạo điều kiện phát triển thị phần ổn định và ngày càng mở rộng. BICONCO đã tích cực chuyển dịch và đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh, vừa hoạt động xây lắp vừa đầu tư dài hạn. Nhờ đó, Công ty đã tận dụng được những cơ hội tốt cho việc đầu tư, tăng hiệu quả kinh doanh và tạo sự phát triển bền vững cho Công ty.
- + Thi hành chính sách chất lượng tốt: Trong hoạt động của mình, BICONCO luôn ý thức đề cao duy trì hệ thống quản lý chất lượng, không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Công ty luôn đặt ra mục tiêu đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao với thời gian nhanh nhất.
- + Đội ngũ lao động nhiều kinh nghiệm và nhiệt huyết: đội ngũ công nhân của Công ty, đặc biệt là công nhân cầu có bản lĩnh tay nghề cao và đạo đức nghề nghiệp, dám đảm nhận công việc khó, tự chịu trách nhiệm và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

⁴ Theo tin tại trang <http://www.mofa.gov.vn> tháng 1/2008

Lực lượng CBCNV nhiều kinh nghiệm, có sức khỏe, nhiệt huyết, tận tình với công việc chính là thế mạnh của BICONCO.

- + Sự thống nhất cao trong nội bộ: Nội bộ ban lãnh đạo – Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng các tổ chức đoàn thể, cán bộ nhân viên luôn phát huy được truyền thống đoàn kết, gắn bó, thống nhất được ý chí, toàn tâm, toàn lực xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh. Sự phát triển của BICONCO trong thời gian vừa qua đã khẳng định sức mạnh đoàn kết cao trong nội bộ Công ty, tinh thần phát triển vì sự nghiệp chung của toàn bộ các thành viên trong Công ty.
- + Sự hỗ trợ của đơn vị chủ quản, công ty con và các đối tác: Công ty luôn được Tổng Công ty xây dựng số 1 hỗ trợ về vốn và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra Công ty còn được sự hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của hệ thống các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các tập đoàn xây dựng ở phía nam. Đây là lợi thế rất lớn của BICONCO.

7.2.2 Khó khăn

- Ảnh hưởng do các nhân tố bên ngoài:
 - + Sự biến động của chi phí sản xuất: chi phí sản xuất trong lĩnh vực ngày càng tăng cao trong những năm gần đây (đặc biệt là giá cả nhiên liệu, vật tư, chi phí vận chuyển) có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, gây áp lực ngày càng cao trong việc tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để đảm bảo đạt được những mục tiêu, kế hoạch đề ra.
 - + Áp lực từ thị trường lao động: thị trường lao động trong lĩnh vực xây dựng ngày càng khan hiếm, sự cạnh tranh về nguồn lao động giữa các đơn vị trong cùng ngành rất quyết liệt khiến áp lực trong việc giữ chân, thu hút lao động – đặc biệt là lao động có trình độ, kỹ năng tay nghề cao là rất lớn.
- Ảnh hưởng do các nhân tố bên trong:
 - + Cơ cấu tổ chức chưa hoàn thiện: Địa bàn hoạt động của BICONCO là khá rộng (trải khắp miền Bắc – Trung – Nam), nhưng Công ty lại không có các chi nhánh, văn phòng đại diện tại các khu vực ngoài trụ sở nên việc chỉ đạo, điều hành sản xuất đôi khi không kịp thời, mức độ kiểm soát còn hạn chế.
 - + Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty còn nhỏ so với nhu cầu, phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là nhu cầu vốn cho đầu tư trong giai đoạn kinh tế mở hiện nay.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty cổ phần bê tông Biên hòa là thành viên liên kết của Tổng Công ty xây dựng số 1, một tập đoàn lớn của nhà nước và có tiềm lực kinh tế mạnh, hiện đang thực hiện các dự án lớn tại thành phố Hồ Chí Minh và cả nước về đầu tư xây dựng hạ tầng, cầu cảng và các công trình thủy điện.

Trong giai đoạn từ năm 1968 - 1978, BICONCO là đơn vị duy nhất sản xuất và cung cấp các loại cột thông tin, cột điện bê tông ly tâm phục vụ cho đường dây điện trung, hạ thế và các công trình thông tin tín hiệu, công trình điện của quốc gia tại các tỉnh phía Nam.

Với trên 40 năm xây dựng và phát triển, BICONCO đã không ngừng lớn mạnh và đã trở thành một trong những công ty hàng đầu cung cấp cho thị trường các loại sản phẩm bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn như: cọc cừ vuông, cọc ống, cột điện bê tông ly tâm...

Công ty đã tham gia cung cấp bê tông trộn sẵn, bê tông đúc sẵn, cột điện, cọc ống bê tông ly tâm cho nhiều công trình lớn như: Công trình thủy điện Trị An, Thác Mơ, Nhà máy xi măng Sao Mai (Holcim), cụm nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1, khí điện đạm Cà Mau, Đường dây 500 KVA và nhiều công trình công nghiệp và dân dụng khác...

8.2 Triển vọng ngành

Ngành vật liệu xây dựng và ngành xây dựng nói chung là những ngành phát triển đi đôi với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Việt Nam là nước đang trong quá trình phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm từ 7-8%/năm trong 02 năm gần đây và năm 2008 dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam đạt bình quân 6,23%. Với dân số trẻ và đất nước đang trong quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa đất nước, nhu cầu về xây dựng nhà ở, khách sạn, trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, đường xá tại Việt Nam là rất lớn.

Nghị quyết số 19/2008/QH12 của Quốc hội về người nước ngoài mua và sở hữu nhà tại Việt Nam chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2009, sẽ thí điểm trong 5 năm. Theo đó, cá nhân và tổ chức nước ngoài được mua và sở hữu nhà trong thời hạn 50 năm trên lãnh thổ Việt Nam. Điều này không chỉ mở thêm cơ hội cho ngoại kiều tham gia vào thị trường bất động sản mà còn kích cầu đầu tư về xây dựng cơ bản cho nền kinh tế.

Như vậy có thể thấy, triển vọng phát triển cho ngành xây dựng tại Việt Nam là rất lớn. Đây cũng là cơ hội cho BICONCO có cơ hội để tiếp tục mở rộng và phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành xây dựng, nguồn vốn đầu tư phục vụ cho quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước, cho thấy, chiến lược và định hướng phát triển của BICONCO phù hợp với xu thế chung của thị trường là ổn định và phát triển.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại trong một, hai năm tới, Ban lãnh đạo của Công ty đã đưa ra những kế hoạch phát triển bền vững và thận trọng, nhanh nhạy trong nhìn nhận và nắm bắt từng cơ hội đồng thời phát huy tối đa các nguồn nội lực sẵn có. BICONCO vừa tập trung duy trì khách hàng truyền thống, những mối quan hệ sẵn có vừa nỗ lực tối đa để phát triển cơ sở khách hàng mới trên cơ sở chọn lọc để tránh những rủi ro thu hồi nợ trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Nhờ

đó, Công ty không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn gia tăng thị phần tương ứng với mục tiêu dài hạn, đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra hàng năm.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động hiện nay

Tổng số lao động của Công ty tính đến 30/09/2008 là: 350 người

Phân loại lao động:

TT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ người lao động	350	100 %
	Đại học và sau đại học	35	9,86 %
	Trình độ cao đẳng	15	4,23 %
	Trình độ trung cấp – công nhân kỹ thuật	270	76,05 %
	Lao động chưa qua đào tạo	35	9,86 %
2	Phân theo loại hợp đồng lao động đã ký	350	100 %
	Lao động ký hợp đồng dài hạn	340	97 %
	Lao động ký hợp đồng từ 3-6 tháng	10	3 %

Nguồn: BICONCO

9.2 Chính sách đối với người lao động

Để tăng cường sức mạnh đội ngũ nhân lực của toàn Công ty, công tác nhân sự tại BICONCO luôn được đặt lên hàng đầu, bao gồm cả việc tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp công việc. BICONCO luôn xây dựng một môi trường làm việc cho phép khuyến khích mọi cán bộ công nhân viên phát huy khả năng sáng tạo của mình, tăng cường tinh thần đoàn kết trong Công ty và nâng cao đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên, giúp họ yên tâm làm việc và cống hiến cho Công ty.

Đối với tuyển dụng, BICONCO ưu tiên người có trình độ, khả năng tay nghề cao, có tâm huyết và yêu nghề.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công việc, tình hình sản xuất kinh doanh, công ty lập kế hoạch và tổ chức thi nâng bậc, xét nâng lương đối với người lao động đang hưởng lương theo thang bảng lương của công ty. Đặc biệt, công tác khen thưởng được đánh giá hàng năm, khuyến khích các cá nhân và đơn vị có kết quả làm việc xuất sắc và nâng cao ý chí phấn đấu của các cán bộ nhân viên khác.

Công tác đào tạo của BICONCO đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực. Các chương trình đào tạo nội bộ luôn bám sát yêu cầu nâng cao trình độ tay nghề đồng thời hoàn thiện văn hóa làm việc cũng như đạo đức nghề nghiệp của từng cán bộ nhân viên:

- + Cán bộ nhân viên trước khi được bổ nhiệm (hoặc ngay năm đầu tiên được bổ nhiệm) làm công việc quản lý, điều hành từ trưởng phòng, quản đốc, giám đốc nhà máy trở lên

đều được công ty cử đi học các lớp quản trị doanh nghiệp, quản lý cấp trung hoặc các khóa chuyên môn về trưởng phòng, quản đốc

- + Nhân viên các phòng ban vào làm việc sau 1 năm được công ty cử đi học các lớp đào tạo như Quản lý dự án đầu tư, giám sát công trình; công tác tiếp thị, bán hàng.
- + Tổ trưởng sản xuất phải được học khóa Tổ trưởng và quản lý sản xuất (công ty hợp đồng trường dạy nghề tổ chức 2 năm một lần tại công ty)
- + Công nhân vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, được cử đi học vận hành, sử dụng thiết bị.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Ban lãnh đạo Công ty luôn phấn đấu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao giá trị hưởng lợi cho cổ đông. Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm tăng từ 1.050 đồng/cổ phiếu năm 2005 lên 2.000 đồng/cổ phiếu vào năm 2007. Công ty dự kiến mức chia cổ tức năm 2008 đạt 18 ~ 20%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	: 10-30 năm
Máy móc thiết bị	: 6-15 năm
Phương tiện vận tải	: 5-8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	: 4-10 năm

11.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng năm của toàn công ty:

- Năm 2006 : 2.601.117 (đồng/tháng)
- Năm 2007 : 2.763.186 (đồng/tháng)
- 03 quý đầu năm 2008 : 2.350.860 (đồng/tháng)

11.3 Khả năng thanh toán ngắn hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

11.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm công ty trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ dự phòng tài chính theo luật định.

Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ từ giai đoạn 2006 - 2007

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	105.235.555	223.030.131	163.345.425
Quỹ dự phòng tài chính	211.705.714	400.000.000	800.000.000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	192.098.127	97.673.082	130.082.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007 và năm 2008 của BICONCO

11.6 Tình hình công nợ hiện nay

➤ Nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
1.	Phải thu ngắn hạn	35.887.434.183	42.303.638.526	43.278.447.434
1.1	Phải thu khách hàng	38.610.652.783	43.879.067.707	47.222.784.697
1.2	Trả trước cho người bán	206.707.500	2.716.972.499	3.492.435.985
1.3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
1.4	Các khoản phải thu khác	413.898.705	674.863.953	84.236.766
1.5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(4.343.824.805)	(4.967.265.633)	(7.521.010.014)
2	Phải thu dài hạn	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007 và năm 2008 của BICONCO

➤ Nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
NỢ PHẢI TRẢ	37.440.186.147	41.408.825.567	100.698.808.816
Nợ ngắn hạn	37.248.088.020	41.311.152.485	61.512.923.967
Vay và nợ ngắn hạn	12.658.074.789	14.632.922.685	20.730.132.262
Phải trả cho người bán	23.343.354.984	22.204.133.862	36.327.547.156
Người mua trả tiền trước	4.559.969	2.416.387.032	689.539.992
Thuế và các khoản phải nộp NN		27.612.086	567.496.049
Phải trả người lao động	446.313.641	1.404.696.012	1.248.254.524
Chi phí phải trả	220.866.779	316.463.786	188.630.143
Các khoản phải trả, phải nộp khác	574.917.858	308.937.022	1.761.323.841
Nợ dài hạn	192.098.127	97.673.082	39.185.884.849
Vay và nợ dài hạn	0	0	39.055.802.849
Dự phòng trợ cấp mất việc	192.098.127	97.673.082	130.082.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007 và năm 2008 của BICONCO

Khoản mục “vay và nợ dài hạn” trên báo cáo tài chính hợp nhất của BICONCO tại thời điểm 31/12/2008 thể hiện số dư 39,06 tỷ đồng. Đây là khoản vay dài hạn ngân hàng VID PUBLIC BANK – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng vay số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008 với hạn mức 52 tỷ đồng với mục đích để mua quyền sử dụng đất làm nhà máy, chi phí xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên An Hòa – BCC (công ty con của BICONCO). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BDG/LC/FL/2008/157 ngày 5/5/2008. Lãi suất được xác định bằng lãi suất liên ngân hàng (hoặc lãi suất tiền gửi) kỳ hạn 6 tháng cộng 2,5% mỗi năm. Thời gian ân hạn là 1 năm. Thời hạn trả nợ vay là 6 năm. Nợ gốc phải trả mỗi tháng là 723 triệu đồng bắt đầu từ tháng 5 năm 2009.

11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	1,51	2,23	1,51
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,90	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,97	1,48	0,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,44	0,66
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,93	1,76	1,98

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	16,31	8,45	7,02
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,66	1,29	0,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
LNST/Doanh thu thuần		3,1%	5,1%	4,8%
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)		15,1%	12%	13,9%
LNST/Tổng tài sản (ROA)		5,1%	6,6%	4,7%
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần		13,7%	16,8%	18,5%
5. Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu	VND	1.938	2.812	1.568

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007 của BICONCO

Nhận xét:

➤ *Khả năng thanh toán*

Khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành của Công ty đang ở mức khá tốt. Đặc biệt, năm 2007, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng đáng kể so với năm 2006, khả năng thanh toán nhanh tức thì đạt xấp xỉ mức 1,5 lần. Điều này thể hiện mặc dù hoạt động trong ngành xây dựng nhưng khả năng ổn định tài chính của công ty là rất tốt.

➤ *Khả năng hoạt động*

Vòng quay hàng tồn kho từ năm 2006 đến năm 2008 giảm từ 16,3 vòng/năm xuống còn 7,02 vòng/năm là do Công ty sản xuất sản phẩm dự trữ cho các hợp đồng đã ký kết nhưng chưa xuất kho cho khách hàng.

➤ *Khả năng sinh lời*

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của Công ty có xu hướng khá ổn định (3-5%) và tăng nhẹ trong 2 năm qua.

Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) cũng khá ổn định và đạt tỷ lệ khá trong giai đoạn năm 2006 -2008 (từ 12%-15,1%). Nhìn chung, Công ty có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu khá cao so với các công ty trong ngành.

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) của Công ty bình quân đạt 5,5% trong giai đoạn từ 2006-2008.

Với khả năng sinh lời tốt, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) năm 2007 có sự cải thiện đáng kể so với năm 2006: tăng xấp xỉ 1,5 lần (từ 1.938 VND/cổ phần lên 2.812 VND/cổ phần). Năm 2008, mặc dù lợi nhuận ròng tăng so với năm 2007 tuy nhiên EPS lại giảm do số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm này cao hơn.

➤ *So sánh chỉ tiêu tài chính của BICONCO so với một số công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội:*

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm	CTCP Bê tông & xây dựng Vinaconex Xuân Mai (XMC)	CTCP Bê tông 620 – Châu Thới (BT6)	CTCP 482 (B82)	CTCP Xây dựng & Đầu tư 492 (C92)	CTCP Bê tông Hòa Cẩm (HCC)	CTCP Đầu tư và xây dựng Cotec (CIC)	CTCP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Tp. HCM (CII)	BICONCO
Vốn điều lệ	30/09/2008	105.135	109.978	15.000	12.000	16.228	24.715	400.200	45.000
Vốn chủ sở hữu	30/09/2008	179.739	318.595	18.987	13.793	31.024	48.905	784.625	60.120
Tổng tài sản	30/09/2008	674.696	749.501	100.605	111.022	49.856	268.361	1.909.348	144.416
Doanh thu	4 quý gần nhất (gồm: quý IV/2007 và 3 quý đầu năm 2008)	531.806	860.510	149.035	54.985	55.837	141.331	229.721	165.305
LNST		27.678	38.661	5.343	1.748	5.523	4.906	128.063	11.640
ROA		4,1%	5,2%	5,3%	1,6%	11,1%	1,8%	6,7%	8,1%
ROE		15,4%	12,1%	28,1%	12,7%	17,8%	10,0%	16,3%	19,4%
ROS		5,2%	4,5%	3,6%	3,2%	9,9%	3,5%	55,7%	7,0%
EPS		2.633	3.515	3.562	1.457	3.403	1.985	3.200	2.587
BV (Giá trị sổ sách)	30/09/2008	17.096	28.969	12.658	11.494	19.118	19.788	19.606	13.314

Nguồn: tổng hợp số liệu từ HOSE & HASC

Nhận xét: So với các công ty cùng ngành trong nước, Công ty cổ phần bê tông Biên hòa có quy mô trung bình về vốn, tổng tài sản, doanh thu, và lợi nhuận. Tuy nhiên, khả năng sinh lời của Công ty tương đối cao so với trung bình của ngành.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**12.1 Danh sách về HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng****- Ông Hồ Đình Thuận - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và Tên	Hồ Đình Thuận
Giới tính	Nam
Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	1962
Địa chỉ thường trú	289/B11 Nơ Trang Long. P. 13. Q.Bình Thạnh. Tp.HCM
Dân tộc	Kinh
Chính trị	Cao cấp chính trị
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Số cổ phần nắm giữ	1.802.772 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng số 1: 1.718.182 cổ phần - Sở hữu cá nhân : 84.590 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ 1986-1988 - Cán bộ kỹ thuật Tổng công ty xây dựng số 1 – xây dựng công trình thủy điện Trị An;
- ❖ 1989 - 1992 - Phụ trách trung tâm thí nghiệm – Tổng công ty xây dựng số 1;
- ❖ 1992 – 1996 - Giám đốc xí nghiệp kiểm tra chất lượng – Công ty tư vấn và đầu tư thiết kế xây dựng – Tổng công ty xây dựng số 1;
- ❖ 1996 - 1999 - Phó giám đốc Công ty tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng – Tổng công ty xây dựng số 1;
- ❖ 1999 - 2000 - Giám đốc Công ty bê tông – Tổng công ty xây dựng số 1;

❖ 2000 - 2002	- Tổng giám đốc Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa- Tổng công ty xây dựng số 1;
❖ 2002 - 2003	- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa – thuộc Tổng công ty xây dựng số 1;
❖ 2003 - 2006	- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa; - Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng số 1; - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP đầu tư XL Chương Dương; - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển đô thị Bình Minh;
❖ Từ tháng 11/2006 đến nay	- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.
Số cổ phần của những người có liên quan	Em: Hồ Đình Cường Số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/11/2008: 20.427 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

- Ông Trần Văn Ngân – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Họ và Tên	Trần Văn Ngân
Giới tính	Nam
Quê quán	Thường Tín – Hà tây
Ngày tháng năm sinh	1956
Địa chỉ thường trú	392/8/87 Cao Thắng, P. 12, Q. 10, TP. HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Chính trị	Sơ cấp
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
Chức vụ hiện nay	Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Kế Toán Trưởng
Số cổ phần nắm giữ	20.000 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ 09/1977 - 12/1983 Cán bộ kế toán – Tổng công ty xây dựng số 1
- ❖ 01/1984 – 12/1999 Kế toán trưởng – Công ty Bê tông
- ❖ 01/2000 đến nay Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.

Số cổ phần của những người có liên quan	Con: Trần Thị Hoài Thu Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 11/11/2008: 3.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

- Ông Phạm Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Họ và Tên	Phạm Hùng
Giới tính	Nam
Quê quán	Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	1961
Địa chỉ thường trú	28F cư xá Bê tông. khu phố 10. P.An Bình. Tp.Biên Hòa. Tỉnh Đồng Nai
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Chính trị	Cao cấp
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí CTM
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc
Số cổ phần nắm giữ	21.000 cổ phần
Quá trình công tác:	
❖ 1985 – 1990	- Quản đốc Xưởng Bê tông – Công ty xây dựng Miền Đông;
❖ 1990 – 1993	- Phó quản đốc Xưởng Bê tông – Công ty xây dựng Miền Đông;
❖ 1994 – 1999	- Quản đốc Xưởng Bê tông – Công ty Bê tông Biên Hòa;
❖ 2000 – 2002	- Phó giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2002 – 2003	- Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2003 đến nay	- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

- Ông Phan Văn Hải – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Phan Văn Hải
Giới tính	Nam
Quê quán	Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	1959
Địa chỉ thường trú	15M Cư xá Bê tông . P.Bình An. Tp.Biên Hòa. Tỉnh Đồng Nai
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Chính trị	Trung cấp
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Số cổ phần nắm giữ	30.777 cổ phần
Quá trình công tác:	
❖ 1983 – 1984	- Công tác tại công xây dựng Thủy điện Trị An – Tổng công ty xây dựng số 1;
❖ 1984 – 1992	- Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty Bê tông – Tổng công ty xây dựng số 1;
❖ 1992 – 2000	- Phó tổng giám đốc – Công ty liên doanh Bê tông Mê Kông;
❖ 2001 đến nay	- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.
	- Giám đốc công ty Bê tông Mê Kông – Tổng công ty xây dựng số 1
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

_ Ông Nguyễn Thanh Hoàn- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Họ và Tên	Nguyễn Thanh Hoàn
Giới tính	Nam
Quê quán	Tp. Hồ Chí Minh
Ngày tháng năm sinh	1969
Địa chỉ thường trú	378/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh. P.25. Q.Bình Thạnh. Tp.HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Chính trị	Sơ cấp
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Số cổ phần nắm giữ	6.000 cổ phần
Quá trình công tác:	
❖ 12/1995 – 07/1997	- Phụ trách Xí nghiệp Bê tông Hòn Chông – Công ty Bê tông;
❖ 1998 – 2001	- Phó phòng Kinh tế kế hoạch Vật tư – Công ty Bê tông;
❖ 2001 – 2002	- Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Bê tông Mỹ Xuân – Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2002 – 2003	- Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa
❖ 2003 đến nay	- Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa
Số cổ phần của những người có liên quan	Vợ: Bùi Thị Hoài Phương
	Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 11/11/2008: 13.466 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

12.2 Danh sách Ban kiểm soát**- Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung- Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và Tên	Nguyễn Thị Ngọc Dung
Giới tính	Nữ
Quê quán	Tp. Hồ Chí Minh
Ngày tháng năm sinh	1967
Địa chỉ thường trú	631 Điện Biên Phủ . Q3. Tp.HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Chính trị	Sơ cấp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay	Trưởng Ban Kiểm Soát
Số cổ phần nắm giữ	14.529 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 1992 – 2005	Kế toán tổng hợp – Tổng công ty xây dựng số 1 – Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2006 đến nay	Phó phòng kế toán – Tổng công ty xây dựng số 1 – Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa; Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Chương Dương.
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

Ông Tạ Quang Thanh- Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Tạ Quang Thanh
Giới tính	Nam
Quê quán	Đồng Nai
Ngày tháng năm sinh	1958
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Chính trị	Sơ cấp
Trình độ chuyên môn	Trung cấp chuyên nghiệp
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Ban Kiểm Soát
Số cổ phần nắm giữ	8.714 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 1978 – 1999	- Cán bộ phòng kế toán – Công ty Bê tông;
❖ 01/2000 – 09/2000	- Cán bộ phòng kế toán – Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 09/2000 đến nay	- Trưởng phòng TCHC - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 01/2000 đến nay	- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

_ Ông Hoàng Xuân Lộc- Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Hoàng Xuân Lộc
Giới tính	Nam
Quê quán	Vinh – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	1960
Địa chỉ thường trú	289 C. Nơ Trang Long, P13. Q.Bình Thạnh. Tp.HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Chính trị	Sơ cấp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	Thành Viên Ban Kiểm Soát
Số cổ phần nắm giữ	2.423 cổ phần
Quá trình công tác:	
❖ 1986 – 1999	- Cán bộ phòng kế toán – Công ty Bê tông;
❖ 2000 – 2001	- Cán bộ phòng kinh doanh - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2001 - 2002	- Phó giám đốc chi nhánh Nhà máy Bê tông Mỹ Xuân - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2002 – 2003	- Phó Ban đầu tư - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2004 – 2006	- Cán bộ phòng kỹ thuật chất lượng - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2007 đến nay	- Cán bộ phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa;
❖ 2000 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

13. Tài sản**13.1 Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2006, 31/12/2007 và 30/09/2008**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ Khác	Tổng cộng
Tại 31/12/2006						
Nguyên giá	7.401.451.068	22.570.226.866	11.124.712.343	243.754.858	0	41.340.145.135
Hao mòn lũy kế	(4.680.313.856)	(14.451.699.190)	(8.603.241.400)	(148.261.631)	0	(27.883.516.077)
Giá trị còn lại	2.721.137.212	8.118.527.676	2.521.470.943	95.493.227	0	13.456.629.058
Tại 31/12/2007						
Nguyên giá	8.088.932.950	25.221.428.810	11.124.712.343	243.754.858	0	44.678.828.961
Hao mòn lũy kế	(5.143.281.058)	(16.808.480.919)	(9.246.662.732)	(200.447.962)	0	(31.398.872.671)
Giá trị còn lại	2.945.651.892	8.412.947.891	1.878.049.611	43.306.896	0	13.279.956.290
31/12/2008						
Nguyên giá	7.810.198.985	31.344.140.017	18.078.243.200	243.754.858	58.800.000	57.535.137.060
Hao mòn lũy kế	(4.442.002.735)	(19.633.640.330)	(10.061.128.269)	(217.660.624)	(1.400.000)	(34.355.831.958)
Giá trị còn lại	3.368.196.250	11.710.499.687	8.017.114.931	26.094.234	57.400.000	23.179.305.102

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007 và BCTC 9 tháng/2008 hợp nhất của BICONCO

13.2 Tình hình đất đai đang sử dụng

Các diện tích đất đang sử dụng

Loại đất	Theo văn bản/hợp đồng/Quyền sử dụng đất	Diện tích	Thời gian	Mục đích sử dụng
Thuê đất khu công nghiệp	Số: 14/HĐTĐ/BH1 Số: 14/HĐTĐ/BH1/PL1 Số: 14/HĐTĐ/BH1/PL2	28.732,3 m ²	50 năm	Xây dựng nhà máy bê tông Biên Hòa
Thuê đất khu công nghiệp	Số: 02-9/HĐTĐ-TY-07	33.900 m ²	50 năm	Xây dựng nhà máy bê tông An Hòa
Thuê đất công ty TNHH Thuận Lập	Số: 34/HĐKT/TL	5.000 m ²	10 năm	Xây dựng trạm bê tông trộn sẵn
Thuê đất công ty CP Địa Ốc Sài Gòn (Saigonres)	Số: 11/HĐ 2006	155 m ²	5 năm	Văn phòng đại diện

Nguồn: BICONCO

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2008 đến năm 2010:**14.1 Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho giai đoạn từ 2008 – 2010**

Đơn vị tính: triệu đồng

Danh mục	Năm 2009	Năm 2010	% ± (2009/2008)	% ± (2010/2009)
Doanh thu thuần	185.000	255.000	26%	37,84%
Lợi nhuận sau thuế	10.000	12.600	41,8%	26,00%
Vốn điều lệ	45.000	45.000	0%	0%
LN sau thuế/Doanh thu thuần	5,41%	4,94%		
LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22%	28%		
Cổ tức	16%	16%	N/A	0,00%

Nguồn: BICONCO

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Việc Công ty đưa ra các chỉ tiêu tài chính như trên trong giai đoạn 2008-2010 có tính tới những yếu tố sau đây:

a. Dự báo về phát triển kinh tế Việt Nam

Năm 2008 là năm thứ hai Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO nên giành được sự kỳ vọng của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhờ đó quy mô đầu tư năm 2008 dự kiến sẽ được mở rộng thêm 10% so với 2007. Kim ngạch xuất khẩu do tương ứng với đầu tư trực tiếp nước ngoài nên sẽ tăng 12%. Nhu cầu nội địa của nền kinh tế tăng lên sẽ tiếp tục là động lực phát triển kinh tế.

Mặc dù trong năm 2009, do ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam sẽ phát triển chậm lại, tuy nhiên, về dài hạn thị trường Việt Nam vẫn được đánh giá là môi trường tiềm năng và có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Theo Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (IDE), các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh mẽ được kỳ vọng sẽ dẫn hướng nền kinh tế Việt Nam phát triển với tốc độ cao hơn sau khi Chính phủ áp dụng các biện pháp kích cầu hiệu quả và phù hợp.

b. Dự báo về phát triển của ngành xây dựng và cơ hội cho BICONCO

Theo báo cáo triển vọng phát triển Châu Á 2007 (Asian Development Outlook 2007) do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) công bố thì ngành xây dựng sẽ trở nên sôi động hơn với mục tiêu gia tăng ngân sách cho cơ sở hạ tầng trong ngắn hạn từ 9% đến 11%.

Theo số liệu của Bộ xây dựng, trong giai đoạn 2006 - 2007 ngành xây dựng có tốc độ tăng giá trị sản xuất kinh doanh của đạt trên 100%, cao gấp đôi mức tăng trưởng chung của khu vực công nghiệp và xây dựng cả nước. Theo định hướng phát triển, đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Hơn nữa, với việc Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), lượng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam sẽ ngày càng gia tăng⁵. Điều này sẽ đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành xây dựng cơ bản. Đây chính là những cơ hội cho BICONCO trong việc phát triển hoạt động kinh doanh.

c. Lợi thế trong hoạt động kinh doanh của BICONCO

Công ty có trên 40 năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh Bê tông trộn sẵn, trụ bê tông đúc sẵn và trụ điện. Đội ngũ cán bộ quản lý của BICONCO có trình độ, kinh nghiệm trong quản lý điều hành, lĩnh vực sản xuất vật liệu và thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, có khả năng tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng như quản trị điều hành.

Đồng thời, BICONCO cũng là thành viên liên kết của Tổng Công ty xây dựng số 1 với những công trình đầu tư đang thực hiện về xây dựng hạ tầng, cầu cảng và các công trình thủy điện. Do vậy, Công ty luôn được Tổng Công ty xây dựng số 1 hỗ trợ về vốn và tiêu thụ sản phẩm đồng thời còn được sự hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của hệ thống các công ty con, công ty liên kết

⁵ Theo Báo cáo của Bộ xây dựng năm 2008

của Tổng công ty và các tập đoàn xây dựng ở phía nam. Sản phẩm trụ điện và trụ bê tông của công ty phân phối rộng rãi cho toàn khu vực phía nam, sản phẩm bê tông trộn sẵn của Công ty được cung cấp trong phạm vi bán kính 100 km tính từ trạm trộn bê tông tại trụ sở Công ty (Khu công nghiệp Biên Hòa 1), Chi nhánh Tân Hòa (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), Chi nhánh An Hòa (tỉnh Long An).

d. Kết quả hoạt động kinh doanh của BICONCO trong những năm qua

Trong thời gian qua, BICONCO đã có những kết quả hoạt động tăng trưởng tốt, cơ bản đạt được kế hoạch đề ra, thương hiệu và vị thế của Công ty đã được khẳng định một cách rõ nét.

➤ **Doanh thu:**

Doanh thu của Công ty liên tục tăng trưởng trong 3 năm qua, tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn này đạt khoảng 25%/năm. Doanh thu năm 2007 tăng 27% so với năm trước, đạt gần 120 tỷ đồng. Trong năm 2008, Công ty đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và đạt được kết quả khả quan với doanh thu xấp xỉ 147 tỷ đồng, vượt doanh thu của cả năm 2007.

➤ **Lợi nhuận:**

Lợi nhuận của Công ty tăng mạnh trong hai năm gần đây. Năm 2007, lợi nhuận của Công ty đạt trên 6 tỷ đồng tăng gần gấp đôi so với năm 2006. Thực tế, năm 2008, Công ty đạt lợi nhuận là 7,05 tỷ đồng tăng 15,2% so với lợi nhuận cả năm 2007.

e. Định hướng trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm tới

- **Mục tiêu chung:**

➤ **Mục tiêu hoạt động**

- + Phương châm lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ làm hàng đầu, vì lợi ích của khách hàng, cũng như lợi ích của công ty được coi là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Đây cũng chính là mục tiêu xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của BICONCO.
- + Xây dựng Công ty trở thành đơn vị hàng đầu về sản xuất và cung cấp sản phẩm bê tông công nghiệp cho các tỉnh phía Nam.

➤ **Mục tiêu kinh doanh**

- + Tiếp tục duy trì các mối quan hệ với khách hàng truyền thống (khách hàng giao dịch) và mở rộng phát triển thị trường kinh doanh của công ty đến các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam bộ, các tỉnh miền trung và cả nước.

- **Phương hướng đầu tư phát triển:**

- Tiếp tục đầu tư, mua sắm bổ sung thêm thiết bị sản xuất thi công, nâng cao năng lực sản xuất.

- Thực hiện đầu tư mở rộng, hoàn thành nhà máy bê tông An Hòa – BCC tại Long An để bắt đầu sản xuất vào quý IV/2008, đáp ứng nhu cầu về bê tông cho thị trường, đặc biệt là sản phẩm cọc ống bê tông ly tâm tại các thành phố lớn như Tp.HCM, Cần Thơ, Vũng Tàu.
- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm khác như các loại vữa trộn sẵn, hóa chất phụ gia xây dựng...
- Đầu tư, góp vốn liên doanh liên kết để thu lợi nhuận.
- Nghiên cứu, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực hoạt động khác có khả năng sinh lời cao, rủi ro thấp.
- Trong các năm tiếp theo, dự kiến xem xét thành lập thêm một số công ty con nhằm hỗ trợ công tác sản xuất chính của Công ty như: công ty con hoạt động về thi công hạ tầng, công ty con hoạt động thương mại vật liệu xây dựng, công ty con sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp tại Cần Thơ.
- Trong năm 2009 – 2010, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu và dự kiến chuẩn bị thành lập công ty con về lĩnh vực kinh doanh nhà và bất động sản để chuẩn bị cho dự án chuyển đổi công năng trung tâm thương mại và nhà ở tại khu văn phòng công ty hiện hữu (khu công nghiệp Biên Hòa 1), dự kiến vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Hiện nay Công ty đang nghiên cứu hồ sơ tài liệu của dự án, đồng thời đang tìm đối tác để lập phương án đầu tư tại lô đất này (khoảng 28.700 m²) để khi chủ trương chuyển đổi công năng khu đất này được triển khai (dự kiến sau năm 2009) thì công ty sẽ lập thủ tục và lập báo cáo đầu tư cho dự án này.

Kế hoạch của dự án:

- | | | |
|----------------------------|---|-----------------------------|
| + Giai đoạn 1 (2007) | : | Hình thành dự án; |
| + Giai đoạn 2 (2008-2009): | | Làm thủ tục dự án; |
| + Giai đoạn 3 (2009-2019): | | Triển khai thực hiện dự án; |
| + Giai đoạn 4 (2020-2023): | | Kết thúc dự án. |

Phương án đầu tư cụ thể cho từng năm sẽ được Hội đồng quản trị lên kế hoạch chi tiết trình đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Bê tông Biên Hòa. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, VIS nhận thấy kế hoạch lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kết quả đã đạt được trong quá khứ và cũng phù

hợp với tình hình phát triển của ngành vật liệu xây dựng nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng

Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Hiện nay Công ty đang có một số khoản phải thu khó đòi đã và đang nhờ cơ quan bảo vệ pháp luật can thiệp. Tính đến ngày 30/9/2008, tổng các khoản nợ phải thu này là 5.902.759.051 đồng. Đến thời điểm 30/09/2008, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi nói trên là: 4.750.634.626 đồng.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Loại cổ phiếu niêm yết: cổ phiếu phổ thông

Tên cổ phiếu : cổ phần Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa.

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết: 4.500.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

100% số cổ phần do thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng công ty nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo (không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ).

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)		Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết
			Số hữu cá nhân	Đại diện sở hữu Nhà nước		
I	HĐQT & Ban giám đốc					
1	Hồ Đình Thuần	Chủ tịch HĐQT	84.590	1.718.182	84.590	42.295
2	Trần Văn Ngân	Phó chủ tịch HĐQT kiêm kế toán trưởng	20.000	0	20.000	10.000
3	Phạm Hùng	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	21.000	0	21.000	10.500
4	Phan Văn Hải	TV HĐQT	30.777	0	30.777	15.389
5	Nguyễn Thanh Hoàn	TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	6.000	0	6.000	3.000
II	Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban Kiểm soát	14.529	0	14.529	7.265
2	Tạ Quang Thanh	TV BKS	8.714	0	8.714	4.357
3	Hoàng Xuân Lộc	TV BKS	2.423	0	2.423	1.212

5. Phương pháp tính giá:

5.1. Phương pháp tính giá tham khảo cho nhà đầu tư theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF Method)

- Phương pháp tính giá sử dụng: phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF Method)
- Một số giả định cơ bản hàng năm:

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong quá khứ của Công ty đến 9 tháng đầu năm 2008, các giả định cho mô hình định giá DCF được đưa ra như sau:

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	Dài hạn
01	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	20%	37%	42%	8%	8%
02	Giá vốn hàng bán / Doanh thu thuần	81,0%	81,0%	81,0%	81,0%	81,0%
03	Chi phí quản lý (tăng trưởng)	5%	33%	30%	15%	6%
04	Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần	4,4%	4,4%	4,4%	4,2%	4,2%
05	Thuế suất Thu nhập doanh nghiệp	20%	25%	25%	25%	25%
06	Thời gian hàng tồn kho bình quân (ngày)	45	40	40	40	40
07	Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	90	90	90	90	90
08	Kỳ thanh toán bình quân (ngày)	100	100	90	90	90
09	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ hữu hình bình quân (%/năm)	7%	7%	7%	7%	7%
10	Lãi suất vay bình quân (%/năm)	8%	10%	12%	12%	12%

- Với các giả định trên, có thể xây dựng bản Kết quả kinh doanh và Bảng cân đối kế toán dự báo của Công ty như sau:

KẾT QUẢ KINH DOANH (2006-2012)								
Đơn vị: triệu đồng	2006	2007	2008	KH 2009	KH 2010	KH 2011	KH 2012	KH 2013
Doanh thu thuần	94,385	119,743	146,494	175,207	240,033	340,127	367,337	396,724
Giá vốn hàng bán	81,488	99,623	119,333	141,918	194,427	275,503	297,543	321,347
Lợi nhuận gộp	12,897	20,120	27,161	33,289	45,606	64,624	69,794	75,378
Chi phí kinh doanh	8,910	12,559	17,640	18,822	25,286	34,108	37,442	39,997
- chi phí quản lý	5,788	7,051	10,584	11,113	14,725	19,142	22,014	23,335
- chi phí bán hàng	3,122	5,508	7,056	7,709	10,561	14,966	15,428	16,662
- chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ h/d kinh doanh	3,987	7,561	9,521	14,467	20,320	30,516	32,352	35,381
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(1,385)	(1,259)	(2,421)	(3,903)	(4,293)	(4,506)	(3,819)	(2,747)
Lợi nhuận từ hoạt động bất thường	627	504	667	831	831	831	831	831
Lợi nhuận trước thuế	3,229	6,806	7,767	11,395	16,858	26,841	29,364	33,464
Thuế TNDN	323	680	713	2,279	4,215	6,710	7,341	8,366
Lợi nhuận sau thuế	2,906	6,126	7,054	9,116	12,644	20,131	22,023	25,098
Cổ tức ưu đãi	-	-	-	-	-	-	-	-
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (Dự báo)								
Tốc độ tăng trưởng doanh thu	15%	27%	22%	20%	37%	42%	8%	8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	86%	83%	81%	81%	81%	81%	81%	81%
Tỷ suất LNST trên doanh thu	3%	5%	5%	5%	5%	6%	6%	6%
Tốc độ tăng trưởng chi phí quản lý	-19%	22%	50%	5%	33%	30%	15%	6%
Thuế TNDN thực tế	10%	10%	9%	20%	25%	25%	25%	25%

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (2006-2012)

Đơn vị: triệu đồng	2006	2007	2008	KH 2009	KH 2010	KH 2011	KH 2012	KH 2013
TÀI SẢN								
Tiền và tương đương tiền	796	17,760	1,548	2,937	5,680	9,800	14,167	15,367
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	34,887	42,304	43,279	43,202	59,186	83,867	90,576	97,822
Hàng tồn kho	6,237	17,256	15,499	17,497	21,307	30,192	32,607	35,216
Tài sản cố định hữu hình	13,457	13,280	23,179	56,758	50,717	44,907	39,639	34,338
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
Xây dựng dở dang	709	685	40,588	1,042	1,372	2,060	2,184	4,290
Tài sản cố định vô hình	-	-	21,957	21,079	20,200	19,322	18,444	17,566
Đầu tư tài chính dài hạn	50	50	50	1,092	1,549	2,235	2,963	4,393
Tài sản khác	714	1,352	5,575	3,166	3,953	5,170	5,500	5,857
	56,850	92,687	151,675	146,771	163,964	197,553	206,081	214,849
NỢ PHẢI TRẢ								
Phải trả người bán	23,343	22,204	36,328	38,882	53,268	67,932	73,367	79,236
Vay ngắn hạn	12,658	14,633	20,730	20,730	20,730	30,730	30,730	35,730
Vay dài hạn	-	-	39,056	29,056	19,056	9,056	(944)	(10,944)
Phải trả khác	1,439	4,572	4,585	6,733	7,784	9,405	9,846	10,322
	37,440	41,409	100,699	95,401	100,837	117,123	112,999	114,344
VỐN CHỦ SỞ HỮU								
Vốn cổ phần	15,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
Thặng dư vốn	-	1,610	1,610	1,610	1,610	1,610	1,610	1,610
Lợi nhuận chưa phân phối	2,424	3,195	1,751	2,145	13,902	31,205	43,857	51,280
Các quỹ dự trữ	1,986	1,473	2,615	2,615	2,615	2,615	2,615	2,615
	19,410	51,278	50,976	51,370	63,127	80,430	93,082	100,505
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (Dự báo)								
Khả năng thanh toán nhanh	0.96	1.45	0.73	0.70	0.79	0.87	0.92	0.90
Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản	6%	63%	64%	-3%	12%	20%	4%	4%
Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	65.2%	28.5%	117.3%	96.9%	63.0%	49.5%	32.0%	24.7%
ROE	16%	17%	14%	18%	22%	28%	25%	26%
ROA	5%	8%	6%	6%	8%	11%	11%	12%

- Dựa trên những giả định cơ bản hàng năm, thì phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền – DCF cho ta kết quả sau:

PHƯƠNG PHÁP CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN - DCF					
Đơn vị: triệu đồng	KH 2009	KH 2010	KH 2011	KH 2012	Dài hạn
Lợi nhuận sau thuế	9,116	12,644	20,131	22,023	25,098
Cộng:					
- Vay mới (trả nợ vay)	(10,000)	(10,000)	-	(10,000)	2,375
- Khấu hao	7,887	7,961	8,059	8,207	8,363
Trừ:					
- Đầu tư tài sản	3,472	4,572	6,866	7,279	14,300
- Đầu tư vốn lưu động	(5,191)	5,146	18,496	3,580	3,866
Dòng tiền tạo ra cho chủ sở hữu	8,722	887	2,828	9,371	17,675
Dòng tiền cuối kỳ					206,005
- Tốc độ tăng trưởng dài hạn					6.0%
Lãi suất chiết khấu	15%				
Hệ số chiết khấu	0.873	0.762	0.665	0.580	0.506
Hiện giá dòng tiền	7,612	675	1,880	5,437	8,950
Hiện giá dòng tiền cuối kỳ	-	-	-	-	206,005
Hiện giá dòng tiền trên cổ phiếu	1,692	150	418	1,208	23,180
Giá trị công ty (chưa điều chỉnh)	119,916				
- Trừ: chiết khấu thị trường	-				
Giá trị công ty điều chỉnh theo thị trường	119,916				
Giá trị công ty (làm tròn)	119,916				
Giá cổ phiếu (chưa điều chỉnh)	26,648				
- Trừ: chiết khấu thị trường	-				
Giá cổ phiếu đã điều chỉnh	26,648				

- Phân tích độ nhạy:

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY					
Giá trị công ty	Tốc độ tăng trưởng dài hạn				
		5.5%	6.0%	6.5%	7.0%
Lãi suất chiết khấu	14.0%	126,078	130,540	135,596	141,375
	14.5%	117,536	121,292	125,517	130,305
	15.0%	109,934	113,113	116,666	120,664
	15.5%	103,131	105,835	108,839	112,197

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY					
Giá cổ phiếu	Tốc độ tăng trưởng dài hạn				
		5.5%	6.0%	6.5%	7.0%
Lãi suất chiết khấu	14.0%	28,017	29,009	30,133	31,417
	14.5%	26,119	26,954	27,893	28,957
	15.0%	24,430	25,136	25,926	26,814
	15.5%	22,918	23,519	24,186	24,933

Kết luận:

- + Giá trị cổ phiếu Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa với các giả định trên theo phương pháp chiết khấu dòng tiền là 26.700 đồng/cổ phần.
- + Phân tích sự thay đổi về tốc độ tăng trưởng và lãi suất chiết khấu, mức giá của cổ phiếu Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa dao động trong khoảng từ 23.000 – 31.400 đồng/cổ phần (chưa tính chiết khấu thị trường).
- + Đây là mức giá tham khảo cho nhà đầu tư, xác định dựa trên các giả thiết của mô hình định giá DCF.

5.2. Phương pháp tính giá cổ phiếu theo phương pháp Giá trị sổ sách (Book value Method)

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2007:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{51.277.654.564 - 223.030.131}{4.500.000} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2007} &= 11.345 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2008:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{50.977.099.056 - 163.345.425}{\text{tại thời điểm 31/12/2008}} \\ &= 4.500.000 \\ &= 11.292 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo như quy định tại Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng chính phủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu của BICONCO (khi Công ty lên niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết. Trong trường hợp, cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được đăng ký giao dịch thì phải thực hiện bán cổ phiếu để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Hiện tại Công ty không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu.

7. Các loại thuế có liên quan:

- Hàng năm, Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định.
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo công văn số 1547/CT-DN2 ngày 09/08/2006 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai như sau BICONCO được áp dụng chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:
 - Được áp dụng thuế suất 20% trong 06 năm từ năm 2004 đến hết năm 2009
 - Được giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm từ năm 2004 đến hết năm 2008.
 - + Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.
- Ngoài ra, Công ty TNHH 01 Thành Viên An Hòa – BICONCO (công ty con của BICONCO) cũng được áp dụng chính sách ưu đãi đối với dự án như sau:
 - + Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo.
 - + Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ **CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Trụ sở: 159/14 Đường Bạch Đằng, P2. Q. Tân Bình Tp.HCM.

Điện thoại: (84 – 8) 293 6178 Fax: (84 –8) 848 8550

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5888 Fax: (84-4) 3944 5999

❖ **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Lầu 2, tòa nhà ITAXA, số 126 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 39302320 Fax: (84-8) 39302325

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, 2007 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2008
4. Phụ lục IV : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2008 thông qua việc niêm yết cổ phiếu
5. Phụ lục V : Quy trình nội bộ về công bố thông tin
6. Phụ lục VI : Quy chế quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa

Biên Hòa, ngày tháng năm 2009

Tổng Giám Đốc

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Phạm Hùng

Hồ Đình Thuần

Trưởng Ban Kiểm Soát

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Trần Văn Ngân

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

Tổng Giám Đốc

Phạm Linh